

Số: 926/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 09 tháng 7 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung (lần 1) dự án: Xây dựng điểm du lịch  
Bản San Thàng 1, xã San Thàng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Xây dựng điểm du lịch Bản San Thàng 1, xã San Thàng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 650/TTr-TNMT ngày 02/7/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông **Hoàng Văn Hán** - Cư trú tại xã Hoàng Vinh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **73.332.069 đồng**.

(Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi hai nghìn không trăm sáu mươi chín đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông **Hoàng Văn Hán** có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Tuấn**

# BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Xây dựng điểm du lịch bán San Thàng 1 xã San Thàng

(Kèm theo Quyết định số: 926/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Lai Châu)



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Hoàng Văn Hán				
	Địa chỉ thường trú: Xã Hoàng Vinh, Huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c+d).				73.332.069
<i>a</i>	<i>Về đất</i>				14.215.500
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	526,5		
2	Loại đất:				
2.1	Đất lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	526,5	27.000	14.215.500
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đất ông Hán được cấp GCN QSD đất số BC 467464 do UBND thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 02/8/2013. Một phần diện tích gia đình khai hoang từ năm 1993 sử dụng ổn định không tranh chấp.				
<i>b</i>	<i>Về tài sản vật kiến trúc</i>				7.238.319
1	Kè đá xếp khan (22*0,7*0,5)	m <sup>3</sup>	7,7	141.900	1.092.630
2	Kè đá xếp khan (14*1,6*0,5)	m <sup>3</sup>	11,2	141.900	1.589.280
3	Kè đá xếp khan (29*1,0*0,6)	m <sup>3</sup>	17,4	141.900	2.469.060
4	Kè đá xếp khan (15*0,8*0,4)	m <sup>3</sup>	4,8	141.900	681.120
5	Kè đá xếp khan (7*0,7*0,5)	m <sup>3</sup>	2,5	141.900	347.655
6	Kè đá xếp khan (10*0,7*0,5)	m <sup>3</sup>	3,5	141.900	496.650
7	Kè đá xếp khan (11*0,6*0,6)	m <sup>3</sup>	4,0	141.900	561.924
<i>c</i>	<i>Về cây cối hoa màu</i>				2.124.000
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất (cây ổi)	cây	7	42.000	294.000
2	Cây bưởi bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1	360.000	360.000
2	Sản lượng lúa 420 m <sup>2</sup> * 5 tấn/ha/năm	kg	210	7.000	1.470.000
<i>d</i>	<i>Về chính sách hỗ trợ</i>				49.754.250
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu ( hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất trồng lúa 1 vụ).	m <sup>2</sup>	526,5	94.500	49.754.250